TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 9 - 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tân Văn Dũng;

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc **"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Diệp Thị P, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Xóm x, thôn H, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
- Bị đơn: Anh Mai Ngọc Th, sinh năm: 1986.
Địa chỉ: Xóm y, thôn H, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi**.**

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2021, bản trình bày ngày 11/6/2021, ngày 20/8/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Diệp Thị P trình bày:

Chị và anh Mai Ngọc Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28/2013 vào ngày 20/02/2013.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th

không chăm lo làm ăn, nhậu nhặt, sống không có trách nhiệm với vợ con, đỉnh điểm mâu thuẫn là từ tháng 7/2020 đến nay. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn một năm, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Mai Ngọc Th.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Mai Ngọc T, sinh ngày: 01/5/2014. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P trình bày: Vào khoảng tháng 7/2020 hai vợ chồng chị có cãi nhau, anh Th chở cháu T về nhà cha, mẹ đẻ của anh là ông Mai Ngọc B và bà Huỳnh Thị A tại xóm y, thôn H, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Từ đầu tháng 9/2021 đến nay do tình hình dịch bệnh Covid 19, nhà trường tổ chức học online nên để thuận tiện cho việc học của cháu T anh Th đã chở cháu T lên giao cho chị để chị kèm cháu học.

Tại bản trình bày ngày 30/7/2021 và ngày 20/8/2021 bị đơn anh Mai Ngọc Th trình bày: Anh và chị Diệp Thị P đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian. Anh đưa cháu Mai Ngọc T về nhà cha mẹ đẻ để sinh sống. Nay, chị P yêu cầu ly hôn, anh Th đồng ý.

- Về con chung: Anh Th trình bày vợ chồng anh có một con chung là cháu Mai Ngọc T, sinh ngày: 01/5/2014. Hiện cháu đang sống với anh. Khi ly hôn, cháu T sống với cha hoặc mẹ là do nguyện vọng của cháu. Trường hợp cháu sống với chị P thì anh không cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu T sống với anh thì anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Anh Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ngày 06/8/2021 và biên bản làm việc với cháu Mai Ngọc T có sự chứng kiến của ba mẹ cháu: Cháu T có nguyện vọng được sống với ba, vì sống với mẹ chán không có ai chơi cùng. Ba không có đánh bài và dẫn con đi đánh bài như lời mẹ nói. Ba là người đưa đón con đi học và lo cho con ăn. Ba không la mắng hay đánh đập gì con.

Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 6 năm 2021, Hội liên hiệp phụ nữ xã N, huyện Tư Nghĩa cho biết: Hiện tại anh Mai Ngọc Th có đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương, có đăng ký kết hôn với chị Diệp Thị P tại UBND xã N. Hội phụ nữ không rõ nguyên nhân mâu giữa chị P và anh Th vì không nghe chị P và anh Th có đơn thư phản ánh đến Hội phụ nữ xã cũng như Chi hội phụ nữ thôn H báo về trường hợp này. Về việc giao con cho anh Th hay chị P nuôi dưỡng thì theo quan điểm của Hội phụ nữ để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em nên giao cháu T cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng.

Biên bản xác minh tại nhà ông Mai Ngọc B và bà Huỳnh Thị A là cha mẹ của anh Mai Ngọc Th và tại nhà chị Trần Thị Kim H là hàng xóm của anh Mai Ngọc Th cho biết: Vợ chồng chị Diệp Thị P và anh Mai Ngọc Th thường xuyên cãi nhau đỉnh điểm là vào tháng 7/2020 anh Th đã chở cháu T về sinh sống cùng với ông B và bà A. Trước đây anh Th có hay nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ con nhưng sau đó được UBND xã N hòa giải thì anh Th đã thay đổi chí thú làm ăn. Anh Th là người trực tiếp chăm sóc cháu T.

Biên bản xác minh ngày 16/8/2021 tại trường Tiểu học C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện: Cháu T học rất giỏi và biết vâng lời thầy cô, trong lớp cháu rất hòa đồng với bạn bè. Mẹ cháu rất quan tâm đến việc học tập của cháu. Mẹ cháu là người trực tiếp đóng tiền học cho cháu, kèm cho cháu học và cũng thường xuyên trao đổi với cô giáo chủ nhiệm về việc học tập của cháu Trường.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Diệp Thị P được ly hôn với anh Mai Ngọc Th. Về con chung là cháu Mai Ngọc T, sinh ngày 01/5/2014 đề nghị giao cho chị P được nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Đề nghị buộc chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị P và anh Mai Ngọc Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư

Nghĩa và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì anh Th vắng mặt. Tại phiên tòa, chị P cương quyết yêu cầu ly hôn, chị trình bày vì mâu thuẫn giữa vợ chồng không giải quyết được. Hiện tại vợ chồng đã ly thân. Những tình tiết, sự kiện trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P và anh Th là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị P, chị P được ly hôn với anh Mai Ngọc Th.

[2.2] Về con chung: Cháu Mai Ngọc T, sinh ngày: 01/5/2014. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T. Anh T trình bày mong muốn cha, mẹ cùng nuôi con cái nhưng nếu ly hôn thì do Tòa án quyết định và dựa trên ý kiến của con. Căn cứ vào điều kiện thực tế, vào nguyện vọng của cháu T và hiện cháu T cũng đang sống với chị P để thuận tiện cho việc học tập của cháu, HĐXX giao chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai Ngọc T, sinh ngày: 01/5/2014 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không nhận định.

[2.3] Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên HĐXX không nhận định.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Diệp Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147**,** Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị P được ly hôn với anh Mai Ngọc Th.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc T, sinh ngày: 01/5/2014 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Th tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khi có lý do chính đáng, chị P và anh Th có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Diệp Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0007194 ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Chị Diệp Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2021). Anh Mai Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã N, huyện Tư Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa